

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ TẬP TRUNG A53d, KHÓA HỌC 2023 - 2024
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

**Thi phần A.I: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng;
II: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử**

Ngày thi: 18/4/2023; Thời gian làm bài: 180 phút;
Phòng thi: Số 07.

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Thị Phước Anh	27/10/1991	02	Anh	38	75	Đầy, 1 năm
2	Nguyễn Văn Bình	10/02/1986	02	Bình	36	70	Đầy
3	H Lem Byă	10/01/1996	02	Byă	15	70	Đầy
4	Trương Văn Cang	10/12/1982	02	Cang	2	725	Đầy, hai năm
5	Y Niăng Cil	07/7/1990	02	Cil	35	725	Đầy, hai năm
6	Hoàng Văn Dựng	17/11/1989	02	Dựng	27	70	Đầy
7	Phạm Quốc Đạt	10/11/1990	02	Dat	3	725	Đầy, hai năm
8	Lê Thành Đạt	11/7/1990	02	Dat	6	70	Đầy
9	Trần Quang Đạt	06/10/1989	02	Dat	32	725	Đầy, hai năm
10	Trần Quốc Đông	03/8/1990	03	Don	1	75	Đầy, 1 năm
11	Phạm Thị Giang	21/5/1989	03	Giang	44	80	Tam
12	Trần Thị Thu Hà	20/4/1991	02	Hà	40	70	Đầy
13	Trần Văn Hải	21/11/1984	02	Hai	43	675	Sáu, bảy năm
14	Nay H'dên	01/8/1997	02	Hden	23	725	Đầy, hai năm
15	Nguyễn Văn Hiếu	02/8/1998	02	Hieu	13	70	Đầy
16	Nguyễn Thị Huỳnh	11/10/1992	02	Huynh	34	725	Đầy, hai năm
17	Lê Thị Hòa	16/6/1996	02	Hoa	16	725	Đầy, hai năm

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
18	Nguyễn Thị Hoài	02/3/1995	03		39	7.5	bay, bay, nâu
19	Nguyễn Văn Huy	10/7/1989	03		19	8.0	bay, bay, nâu
20	Trương Văn Linh	08/3/1989	02		11	7.5	bay, bay, nâu
21	Nguyễn Thị Khánh Ly	17/11/1987	03		18	7.5	bay, bay, nâu
22	Trần Thị Khánh Ly	05/12/1990	02		4	7.5	bay, bay, nâu
23	H'Hung MLô	23/3/1992	02		10	7.5	bay, bay, nâu
24	Lương Hoài Nam	05/4/1992	02		5	7.5	bay, bay, nâu
25	Đặng Thị Nga	26/8/1992	02		80	7.5	bay, bay, nâu
26	Vũ Thị Hoàng Ngân	24/10/1984	02		86	8.0	bay, bay, nâu
27	Nguyễn Thị Thảo Nhung	13/8/1986	02		9	7.5	bay, bay, nâu
28	Phạm Thị Tuyết Nhung	18/01/1982	02		28	7.0	bay, bay, nâu
29	H' Uên Niê	22/02/1990	02		14	7.5	bay, bay, nâu
30	H'Dê Niê	25/7/1994	03		33	7.5	bay, bay, nâu
31	Ngô Quý Nữu	25/8/1988	03		46	7.5	bay, bay, nâu
32	Huỳnh Ngọc Phong	10/6/1988	02		3	8.0	bay, bay, nâu
33	Hồ Quang Phúc	22/10/1988	03		45	7.5	bay, bay, nâu
34	Nguyễn Hoàng Thanh Phúc	27/12/1989	02		29	7.5	bay, bay, nâu
35	Nguyễn Thị Quý	01/8/1993	03		42	7.5	bay, bay, nâu
36	Nguyễn Thị Tường	01/02/1990	02		25	7.5	bay, bay, nâu
37	Niê Mông Quỳnh	09/11/1991	02		41	7.5	bay, bay, nâu
38	Đào Thị Sen	30/4/1990	02		31	7.5	bay, bay, nâu
39	Nguyễn Văn Tài	24/11/1992	02		34	7.5	bay, bay, nâu
40	Nguyễn Lê Thành Trung	08/01/1990	02		7	7.0	bay, bay, nâu
41	Nguyễn Thanh Thảo	30/9/1991	02		21	7.0	bay, bay, nâu
42	Huỳnh Văn Trúc	19/6/1989	02		20	7.5	bay, bay, nâu

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ TỜ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
43	Trần Anh Trường	20/9/1989	02	<i>[Signature]</i>	18	70	Đầy
44	Đặng Anh Tuấn	10/6/1989	02	<i>[Signature]</i>	12	72.5	Đầy, hơi nặng
45	Nguyễn Hứa Tuấn	29/7/1980	03	<i>[Signature]</i>	24	72.5	Đầy, hơi nặng
46	Nguyễn Thị Vân Uyên	18/8/1990	03	<i>[Signature]</i>	22	80	Tam

Tổng số học viên theo danh sách: 46.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi: 0.....học viên (lý do.....)

Số học viên đủ điều kiện thi: 46.....học viên;

Số học viên vắng thi: 0.....học viên; trong đó: có lý do: 0..... học viên; không có lý do: 0.....học viên;

Số bài thi hiện có: 46.....bài/.....103.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

[Signature]
Sĩ Chi Thu

Ngày...05...tháng...5.....năm 2023

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Cường

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Trần Quốc Hùng

CÁN BỘ COI THI 02

[Signature]
Phạm Văn Phú

Ngày...05...tháng...5.....năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

[Signature]
onhuel



BAN GIÁM HIỆU

TRƯỜNG
CHÍNH TRỊ

[Signature]
Nguyễn Thành Dũng